

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	09-28

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Võ Quang Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương Phú**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Phú được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Phú tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96.988.226.363</b>	<b>93.009.622.244</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>9.259.426.028</b>	<b>9.990.823.242</b>
111	1. Tiền		9.259.426.028	9.990.823.242
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>39.014.887.705</b>	<b>34.820.969.481</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	13.677.887.705	11.021.111.233
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	22.521.000.000	18.474.752.544
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3.408.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.816.000.000	1.917.105.704
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>47.966.786.527</b>	<b>47.615.074.881</b>
141	1. Hàng tồn kho		47.966.786.527	47.615.074.881
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>747.126.103</b>	<b>582.754.640</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	57.185.306	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		689.940.797	582.754.640
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>31.491.074.422</b>	<b>32.965.410.760</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>28.058.596.854</b>	<b>29.471.163.356</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	28.058.596.854	29.471.163.356
222	- Nguyên giá		34.085.051.302	34.054.951.302
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.026.454.448)	(4.583.787.946)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.432.477.568</b>	<b>3.494.247.404</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.432.477.568	3.494.247.404
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>128.479.300.785</b>	<b>125.975.033.004</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.934.996.954</b>	<b>12.544.787.948</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>10.538.996.954</b>	<b>12.082.787.948</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	413.442.572	709.016.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	413.177.168	376.852.788
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	12	30.409.327	20.540.286
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	8.502.000.000	10.432.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.179.967.887	543.378.539
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>396.000.000</b>	<b>462.000.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	396.000.000	462.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>117.544.303.831</b>	<b>113.430.245.056</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	<b>117.544.303.831</b>	<b>113.430.245.056</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.179.967.887	543.378.539
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.332.199.126	10.880.653.507
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		9.608.717.414	4.371.860.832
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.723.481.712	6.508.792.675
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.032.136.818	2.006.213.010
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>128.479.300.785</b>	<b>125.975.033.004</b>

*pen*

*pen*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	105.129.748.790	10.734.800.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		105.129.748.790	10.734.800.000
11	4. Giá vốn hàng bán	17	97.874.383.634	9.889.708.579
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.255.365.156	845.091.421
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	55.865.300	311.861
22	7. Chi phí tài chính	19	576.883.531	348.718.603
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		553.974.418	348.718.603
25	9. Chi phí bán hàng	20	583.206.461	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	986.831.581	410.848.714
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.164.308.883	85.835.965
31	12. Thu nhập khác		-	-
32	13. Chi phí khác		483.592	-
40	14. Lợi nhuận khác		(483.592)	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.163.825.291	85.835.965
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	413.177.168	4.291.798
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.750.648.123</u>	<u>81.544.167</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.723.481.712	81.544.167
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		27.166.411	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	472	32

*recy*

*recy*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.163.825.291	85.835.965
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.442.666.502	627.210.594
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.537.444)	(311.861)
06	- Chi phí lãi vay		553.974.418	348.718.603
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.156.928.767	1.061.453.301
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.709.104.381)	(3.875.974.585)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(351.711.646)	9.262.497.985
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(286.704.722)	(367.248.570)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.584.530	13.866.740
14	- Tiền lãi vay đã trả		(553.974.418)	(348.718.603)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(376.852.788)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.116.834.658)	5.745.876.268
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.100.000)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.408.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.537.444	311.861
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.381.437.444	311.861
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.150.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		15.484.000.000	10.490.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(17.480.000.000)	(10.490.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.996.000.000)	4.150.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(731.397.214)	9.896.188.129
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.990.823.242	1.882.503.282
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	9.259.426.028	11.778.691.411

*Rey*

*Ren*



Hồ Văn Tiến  
Người lập

Hồ Văn Tiến  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong thời gian 06 tháng đầu năm 2015 thị trường tiêu thụ cà phê của công ty còn tương đối ít. Cuối năm 2015, Công ty quyết định đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam (tỷ lệ quyền kiểm soát là 96,67%), Công ty cổ phần Nasan Việt Nam có nhà máy chế biến cà phê nhân xuất khẩu, có thị trường xuất khẩu và có mạng lưới khách hàng tiêu thụ cà phê rộng lớn bao gồm cả khách hàng trong nước và nước ngoài. Do đó 6 tháng đầu năm 2016 thị trường tiêu thụ của Công ty được mở rộng, có thêm nhiều khách hàng mới nên doanh thu tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 01 Công ty
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: Không có
- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán hoặc tỷ giá giao dịch thực tế.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này phải đảm bảo chênh lệch không quá +/- 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào các công ty con* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

**2.11 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.14 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.16 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.153.556.156	2.933.457.053
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.105.869.872	7.057.366.189
	<u><b>9.259.426.028</b></u>	<u><b>9.990.823.242</b></u>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Thanh Hà	-	6.200.000.000
- Humburg Cofee Company	3.504.581	3.905.568.715
- Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	5.120.500.000	-
- Công ty Cổ phần Gap Việt Nam	4.291.200.000	-
- Công ty gia vị Hà Nội	4.259.400.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.283.124	915.542.518
	<u><b>13.677.887.705</b></u>	<u><b>11.021.111.233</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	13.350.000.000	-	8.955.752.544	-
Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	9.138.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	33.000.000	-	9.519.000.000	-
	<b>22.521.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.474.752.544</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	2.816.000.000	-	1.917.105.704	-
	<b>2.816.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.917.105.704</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.560.663.547	-	25.168.338.147	-
Thành phẩm	40.406.122.980	-	22.446.736.734	-
	<b>47.966.786.527</b>	<b>-</b>	<b>47.615.074.881</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng  
Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	17.136.325.120	15.493.426.182	1.023.200.000	402.000.000	34.054.951.302
- Mua trong kỳ	-	30.100.000	-	-	30.100.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.136.325.120</b>	<b>15.523.526.182</b>	<b>1.023.200.000</b>	<b>402.000.000</b>	<b>34.085.051.302</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.453.556.753	2.455.215.440	511.600.000	163.415.753	4.583.787.946
- Khấu hao trong kỳ	570.527.485	783.064.017	63.950.000	25.125.000	1.442.666.502
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.024.084.238</b>	<b>3.238.279.457</b>	<b>575.550.000</b>	<b>188.540.753</b>	<b>6.026.454.448</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	15.682.768.367	13.038.210.742	511.600.000	238.584.247	29.471.163.356
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.112.240.882</b>	<b>12.285.246.725</b>	<b>447.650.000</b>	<b>213.459.247</b>	<b>28.058.596.854</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.119.961.383 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.208.034	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.977.272	-
	<u><b>57.185.306</b></u>	<u><b>-</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.624.427	-
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m <sup>2</sup>	3.396.853.141	3.439.866.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	54.380.997
	<u><b>3.432.477.568</b></u>	<u><b>3.494.247.404</b></u>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Hợp Phát	-	-	209.860.000	209.860.000
Công ty CP Gap Việt Nam	-	-	86.000.000	86.000.000
Công ty CP Kho vận và Dịch vụ Thương mại	328.727.333	328.727.333	278.100.000	278.100.000
Phải trả các đối tượng khác	84.715.239	84.715.239	135.056.335	135.056.335
	<u><b>413.442.572</b></u>	<u><b>413.442.572</b></u>	<u><b>709.016.335</b></u>	<u><b>709.016.335</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh  
Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	627.046	627.046	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	376.852.788	413.177.168	376.852.788	-	413.177.168
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>376.852.788</b>	<b>419.804.214</b>	<b>383.479.834</b>	-	<b>413.177.168</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	23.418.447	12.272.286
- Bảo hiểm y tế	4.839.840	5.724.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.151.040	2.544.000
	<b>30.409.327</b>	<b>20.540.286</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>10.300.000.000</b>	<b>10.300.000.000</b>	<b>15.484.000.000</b>	<b>17.414.000.000</b>	<b>8.370.000.000</b>	<b>8.370.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội _Chi nhánh Hà Đông (1)	10.300.000.000	10.300.000.000	15.484.000.000	17.414.000.000	8.370.000.000	8.370.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>	<b>66.000.000</b>	<b>66.000.000</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội _Chi nhánh Hà Đông	132.000.000	132.000.000	66.000.000	66.000.000	132.000.000	132.000.000
	<b>10.432.000.000</b>	<b>10.432.000.000</b>	<b>15.550.000.000</b>	<b>17.480.000.000</b>	<b>8.502.000.000</b>	<b>8.502.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội _Chi nhánh Hà Đông (2)	594.000.000	594.000.000	-	66.000.000	528.000.000	528.000.000
	<b>594.000.000</b>	<b>594.000.000</b>	<b>-</b>	<b>66.000.000</b>	<b>528.000.000</b>	<b>528.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(132.000.000)	(132.000.000)	(66.000.000)	(66.000.000)	(132.000.000)	(132.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>462.000.000</b>	<b>462.000.000</b>			<b>396.000.000</b>	<b>396.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 22/2014/HDHM - PN/SHB.11200 ngày 07/04/2014 và phụ lục gia hạn ngày 09/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6,8 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua cà phê thóc;
- + Thời hạn rút vốn của hợp đồng: đến hết ngày 09/07/2016;
- + Lãi suất cho vay tại thời điểm 30/06/2016: 9,2%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 10/2016/HĐHM-PN/SHB.112000 ngày 13/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua cà phê;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 13/01/2016 đến 13/01/2017, thời hạn mỗi khoản vay theo khế ước không quá 04 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Tùy thuộc vào thời điểm giải ngân và phương án sử dụng vốn cụ thể. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay theo hạn mức tín dụng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng dây chuyền máy móc sản xuất cà phê nhân tại Huyện Quốc Oai, Hà Nội và tài sản hợp pháp của cá nhân khác.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(2) Hợp đồng tín dụng số 113/2015/HĐTDTDH-PN/SHB.112000 ngày 07/04/2015, với các điều khoản chi tiết

- + Hạn mức tín dụng: 660.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua máy phân loại màu (Color Sorter YJT WB3);
- + Thời hạn của hợp đồng: 05 năm kể từ ngày giải ngân 15/05/2015;
- + Lãi suất cho vay: 12,3%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số nợ gốc phải trả tại 30/06/2016 là 528.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tiếp theo là 132.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Thùy	15,00%	15.000.000.000	74,00%	74.000.000.000
Ông Võ Quang Thành	4,80%	4.800.000.000	12,00%	12.000.000.000
Các cổ đông khác	80,20%	80.200.000.000	14,00%	14.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	30.150.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	100.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	10.150.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	100.000.000.000	30.150.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.179.967.887	543.378.539
	<b>1.179.967.887</b>	<b>543.378.539</b>

**15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	96.619,42	158,93

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	105.129.748.790	10.734.800.000
	<b>105.129.748.790</b>	<b>10.734.800.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	97.874.383.634	9.889.708.579
	<b>97.874.383.634</b>	<b>9.889.708.579</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.537.444	311.861
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	52.327.856	-
	<b>55.865.300</b>	<b>311.861</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	553.974.418	348.718.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	22.909.113	-
	<b>576.883.531</b>	<b>348.718.603</b>

**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.993.092	-
Chi phí khác bằng tiền	128.213.369	-
	<b>583.206.461</b>	<b>-</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.494.082	13.866.740
Chi phí nhân công	592.784.465	352.296.269
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.885.084	41.476.705
Chi phí khác bằng tiền	110.667.950	209.000
	<b>986.831.581</b>	<b>410.848.714</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.163.825.291	85.835.965
Thu nhập tính thuế TNDN	5.163.825.291	85.835.965
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	413.177.168	4.291.798
- Công ty mẹ	209.429.087	4.291.798
- Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	203.748.081	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>413.177.168</b>	<b>4.291.798</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	376.852.788	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(376.852.788)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>413.177.168</b>	<b>4.291.798</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.723.481.712	81.544.167
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.723.481.712	81.544.167
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	2.528.972
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>472</b>	<b>32</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.636.244.628	39.167.188.380
Chi phí nhân công	1.042.798.075	397.943.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.442.666.502	777.837.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	846.026.219	98.174.696
Chi phí khác bằng tiền	244.976.498	113.095.179
<b></b>	<b>104.212.711.922</b>	<b>40.554.239.623</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.259.426.028	-	-	9.259.426.028
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.493.887.705	-	-	16.493.887.705
	<b>25.753.313.733</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.753.313.733</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.823.242	-	-	9.990.823.242
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.938.216.937	-	-	12.938.216.937
Các khoản cho vay	3.408.000.000	-	-	3.408.000.000
	<b>26.337.040.179</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.337.040.179</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	8.502.000.000	396.000.000	-	8.898.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	443.851.899	-	-	443.851.899
	<b>8.945.851.899</b>	<b>396.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.341.851.899</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	10.432.000.000	462.000.000	-	10.894.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	729.556.621	-	-	729.556.621
	<b>11.161.556.621</b>	<b>462.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.623.556.621</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo quyết định số 434/QĐ-SGDHN ngày 15/07/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, 10.000.000 cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là CTP, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 28/07/2016.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất và kinh doanh cà phê và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	162.243.875	151.200.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ**

KM19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,  
Tỉnh Quảng Trị

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Do Công ty nắm quyền kiểm soát tại công ty con là Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam từ ngày 01/11/2015, do đó Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 do Công ty lập.

*pen*

**Hồ Văn Tiến**  
Người lập

*pen*

**Hồ Văn Tiến**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Ái**  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 01 tháng 08 năm 2016

